TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Tho

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về Tranh chấp Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXX - ST ngày 25 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 38A/2023/QĐ - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1968 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Ph, xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Ph, xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông Tr chung sống như vợ chồng năm 1999, đăng ký kết hôn năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Phước, huyện Châu Thành Quá trình chung sống của ông bà vào thời gian đầu hạnh phúc, sau này thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Hai bên cũng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do tình cảm không còn nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Trung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh năm 2000. Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận.

Nợ chung: Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang số tiền 100.000.000 đồng. Bà Đ thống nhất tự trả nợ nếu ngân hàng yêu cầu, không yêu cầu ông Tr cùng trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không lý do.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Không yêu cầu đối với số tiền nợ vay của bà Đ do đương sự chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Sau này nếu có phát sinh sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên toà sơ thẩm xét xử vẫn vắng mặt không ly do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung: Đã trưởng thành; Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nợ chung: Ngân hàng không yêu cầu nên chưa xem xét.

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn bà Trần Thị Đ khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn Tr yêu cầu ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr có địa chỉ tại ấp Đông

Phú A, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Tại phiên tòa, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trung.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Văn Tr chung sống như vợ chồng năm 1999 và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà Đ thì cuộc sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông bà hay cãi nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hai bên cũng đã hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do tình cảm không còn nên bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Tr. Quá trình giải quyết vụ án ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Điều đó cho thấy ông Tr đã không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà Điệp. Xét thất, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Tr là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Đương sự tự thoả thuận.

[4] Về nợ chung: Ngân hàng chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 53, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

[5] Nợ chung: Ngân hàng chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Chi đã nộp theo Biên lai số 0011228 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

[7] Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[8] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
VKSND H Châu Thành;
THADS H Châu Thành;
Các đương sự;
Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thuý Hường